

Tân Hưng, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Số: 55 /QĐ-NHT

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai mức thu học phí, các khoản thu khác  
năm học 2025 - 2026 của Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỮU THỌ**

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả họp cha mẹ học sinh toàn trường ngày 07 tháng 9 năm 2025 lấy ý kiến thống nhất về đề xuất các khoản thu năm học 2025 - 2026 của Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ;

Công văn 1568/UBND-VHXXH ngày 26/09/2025 của Ủy ban Nhân dân phường Tân Hưng về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường Tân Hưng;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai mức thu học phí, các khoản thu khác năm học 2025 - 2026 của Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ.(Đính kèm danh sách). Thời gian thực hiện: 9 tháng (từ tháng 9 năm 2025 đến tháng 5 năm 2026).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên và học sinh của Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Văn Lộc**

Quận 7, ngày 26 tháng 09 năm 2025



**Danh sách**

Về việc công khai mức thu học phí, các khoản thu khác  
năm học 2025 - 2026 của Trường THCS Nguyễn Hữu Thọ  
Đính kèm Quyết định số 55/QĐ-NHT ngày 26 tháng 09 năm 2025

Stt	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
<b>I</b>	<b>Mức thu học phí:</b>					
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá</b>					
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	đồng/hs/tháng	0	0	0	0
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	đồng/hs/tháng	69.000	69.000	69.000	69.000
3	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa:					
3.1	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	đồng/hs/tháng/môn	69.000	69.000	69.000	69.000
3.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/hs/tháng	80.000	80.000	80.000	80.000
3.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem (Học 1 tiết/tuần)	đồng/hs/tháng	90.000	90.000	90.000	90.000
3.4	Tiền tổ chức Học bơi (Học 4 tiết/tháng)	đồng/hs/tháng	88.500	88.500	88.500	88.500
3.5	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài (2 tiết/tuần)	đồng/hs/tháng	230.000	230.000	230.000	230.000
<b>III</b>	<b>Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án</b>					
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	đồng/hs/tháng <b>(Thu 3 đợt / năm học)</b>	3.600.000đ/ hs/tháng Thu 3 đợt: 10.800.000 đ/hs/đợt			

2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”	đồng/hs/tháng	170.000	170.000	170.000	0
<b>IV</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú</b>					
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/hs/tháng	130.000	130.000	130.000	130.000
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/hs/năm học	170.000	170.000	170.000	170.000
<b>V</b>	<b>Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh</b>					
1	Học phẩm	đồng/hs/bộ	50.000	50.000	50.000	50.000
2	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/hs/ngày	35.000	35.000	35.000	35.000
3	Tiền nước uống	đồng/hs/tháng	17.000	17.000	17.000	17.000
4	Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/hs/tháng	32.000	32.000	32.000	32.000
5	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm sổ liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...					
	- Giải pháp quản lý trường học thông minh, an toàn, không sử dụng tiền mặt (Phần mềm quản lý thẻ, sổ liên lạc điện tử...)	đồng/hs/tháng	30.000	30.000	30.000	30.000
	- Phần mềm học trực tuyến	đồng/hs/tháng	60.000	60.000	60.000	60.000
6	Bảo hiểm y tế năm 2025 (01.01.2026 đến 31.12.2026)	đồng/hs/năm	631.800	631.800	631.800	631.800